

DỰ THẢO LẦN 3
LUẬT PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI

Ngày 22/9/2011

MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động phòng, tránh thiên tai.....	5
Điều 5. Chính sách của nhà nước trong lĩnh vực phòng, tránh thiên tai	5
Điều 6. Nguồn lực cho hoạt động phòng, tránh thiên tai	6
Điều 7. Các hành vi bị cấm	6
CHƯƠNG II HOẠT ĐỘNG PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI	7
Mục I PHÒNG NGỪA THIÊN TAI	7
Điều 8. Nội dung phòng ngừa thiên tai.....	7
Điều 9. Xác định, đánh giá, giám sát thiên tai và rủi ro thiên tai.....	8
Điều 10. Kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh thiên tai.....	8
Điều 11. Lồng ghép nội dung phòng, tránh thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.....	9
Điều 12. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng khu dân cư.....	9
Điều 13. Xây dựng và bảo vệ công trình phòng, tránh thiên tai	9
Điều 14. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng, tránh thiên tai.....	10
Điều 15. Phương án chuẩn bị ứng phó với các tình huống thiên tai cụ thể.....	10
Điều 16. Chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động ứng phó thiên tai	10
Mục II ỨNG PHÓ THIÊN TAI	11
Điều 17. Nội dung ứng phó thiên tai	11
Điều 18. Lực lượng, phương tiện, vật tư và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động ứng phó khẩn cấp	13
Điều 19. Tìm kiếm, cứu nạn.....	13
Mục III KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI	14
Điều 20. Nội dung khắc phục hậu quả thiên tai.....	14
Điều 21. Các hình thức cứu trợ, hỗ trợ.....	14
CHƯƠNG III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI.....	15
Điều 23. Quyền và trách nhiệm của cá nhân và hộ gia đình.....	15
Điều 24. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp.....	16

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ	17
---	----

CHƯƠNG IV TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI

18

Điều 26. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, tránh thiên tai.....	18
Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, tránh thiên tai	19
Điều 28. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy thực hiện phòng, tránh thiên tai	19
Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp	20
Điều 31. Khen thưởng và xử lý vi phạm	22

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

23

Điều 32. Hiệu lực của Luật phòng, tránh thiên tai.....	23
Điều 33. Hướng dẫn thi hành	23

DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị Quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động phòng, tránh thiên tai, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong hoạt động phòng, tránh thiên tai và các nguồn lực bảo đảm việc thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức trong nước; cá nhân, tổ chức nước ngoài đang sinh sống và hoạt động tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong luật này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Thiên tai

Thiên tai là các hiện tượng tự nhiên bất thường gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế, xã hội.

Thiên tai quy định trong luật này bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét; mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ và dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn; nắng nóng, hạn hán, rét hại; động đất, sóng thần.

2. Rủi ro thiên tai

Rủi ro thiên tai là nguy cơ thiệt hại do thiên tai gây ra về người, tài sản, môi trường sống, các hoạt động kinh tế, xã hội.

3. Phòng, tránh thiên tai

Phòng, tránh thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm các hoạt động: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Tình huống thiên tai

Tình huống thiên tai là diễn biến của một hoặc một số thiên tai cụ thể từ khi xuất hiện và có khả năng gây ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản, các

hoạt động kinh tế, xã hội cho đến khi không còn khả năng gây ảnh hưởng.

5. Công trình phòng, tránh thiên tai

Công trình phòng, tránh thiên tai là các công trình do nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư bao gồm: trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở; khu trú tránh bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân và các công trình khác phục vụ công tác phòng, tránh thiên tai.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động phòng, tránh thiên tai

1. Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.
2. Phòng, tránh thiên tai là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cá nhân, tổ chức theo nguyên tắc “cá nhân chủ động, cộng đồng giúp nhau, nhà nước hỗ trợ”.
3. Phòng, tránh thiên tai thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ”: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.
4. Nội dung phòng, tránh thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương và cả nước.
5. Hoạt động cứu trợ phải đảm bảo tính nhân đạo, kịp thời, công bằng, hợp lý và phù hợp với các quy định của nhà nước.
6. Phòng, tránh thiên tai phải kết hợp kinh nghiệm truyền thống với kiến thức, công nghệ tiên tiến và thích ứng với biến đổi khí hậu;
7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, tránh thiên tai phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia;

Điều 5. Chính sách của nhà nước trong lĩnh vực phòng, tránh thiên tai

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện các biện pháp phòng, tránh thiên tai, đầu tư xây dựng các công trình và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào các hoạt động phòng, tránh thiên tai. Nhà nước bảo vệ quyền lợi hợp pháp liên quan của cá nhân, tổ chức.
2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai, đặc biệt các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn và các hộ nghèo.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm thành lập và hoạt động tại Việt Nam, thực hiện bảo hiểm thiên tai tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai theo quy định của pháp luật.
4. Nhà nước đầu tư xây dựng các công trình phòng, tránh thiên tai trọng điểm quốc gia và hỗ trợ các địa phương xây dựng các công trình phòng, tránh thiên tai tại địa phương theo phân cấp của chính phủ.

Điều 6. Nguồn lực cho hoạt động phòng, tránh thiên tai

1. Nguồn lực của cá nhân, tổ chức, nhà nước cho hoạt động phòng, tránh thiên tai bao gồm: nhân lực, vật tư, thiết bị, phương tiện, tiền và hàng hoá phục vụ phòng, tránh thiên tai.
2. Nguồn tài chính cho hoạt động phòng, tránh thiên tai bao gồm:
 - a. Nguồn tài chính của cá nhân, tổ chức;
 - b. Các quỹ phòng, tránh thiên tai và các quỹ xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - c. Đóng góp tự nguyện của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài;
 - d. Ngân sách nhà nước.
3. Việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động phòng, tránh thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các hành vi bị cấm

1. Lợi dụng thiên tai và hoạt động phòng, tránh thiên tai gây phương hại đến chủ quyền lãnh thổ, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia khác; xâm hại đại đoàn kết dân tộc, đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc; thực hiện các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.
2. Lợi dụng thiên tai gây mất trật tự, an ninh, ổn định xã hội; xâm hại tài sản của nhà nước và nhân dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cộng đồng.
3. Cố ý phá hoại các công trình phòng, tránh thiên tai.
4. Vận hành các hồ chứa nước, cống, trạm bơm không đúng quy trình được cấp có thẩm quyền quy định.

5. Xây dựng công trình không theo quy hoạch, thực hiện các hoạt động gây tổn hại đến công trình phòng, tránh thiên tai hoặc làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý.
6. Không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, tránh, sơ tán, ứng phó thiên tai của cơ quan có thẩm quyền.
7. Không chấp hành lệnh huy động nhân lực, vật tư, phương tiện phục vụ ứng phó khẩn cấp tình huống thiên tai.
8. Ngăn cản hoặc gây cản trở các hoạt động phòng, tránh thiên tai.
9. Lợi dụng thiên tai đầu cơ vật tư, thiết bị, nhu yếu phẩm để trục lợi, gây hại tới đời sống dân sinh.
10. Sử dụng sai mục đích hàng cứu trợ, nguồn tài chính phục vụ phòng, tránh thiên tai.
11. Cố tình đưa tin sai sự thật về thiên tai và các hoạt động phòng, tránh thiên tai.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI

Mục I

PHÒNG NGỪA THIÊN TAI

Điều 8. Nội dung phòng ngừa thiên tai

1. Xác định, đánh giá, giám sát thiên tai và rủi ro thiên tai;
2. Xây dựng quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai;
3. Xây dựng, phê duyệt và thực hiện chiến lược, kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh thiên tai;
4. Lồng ghép nội dung phòng, tránh thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của các bộ, ngành, địa phương, chương trình, đề án, dự án đầu tư xây dựng công trình phòng, tránh thiên tai;
5. Xây dựng cơ chế chính sách phòng, tránh thiên tai;
6. Tổ chức và tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, tránh thiên tai;
7. Xây dựng phương án ứng phó với các tình huống thiên tai cụ thể;

8. Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai;
9. Tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; tổ chức cảnh báo khi có dự báo thiên tai;
10. Tổ chức và tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng, tránh thiên tai đối với các cấp, các ngành và cộng đồng.

Điều 9. Xác định, đánh giá, giám sát thiên tai và rủi ro thiên tai

1. Xây dựng mạng lưới các đài, trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chấn, các trạm thu nhận, truyền phát thông tin cảnh báo bão, lũ, động đất, sóng thần và các hệ thống khác để theo dõi biến động thời tiết, thủy văn, địa chấn trong phạm vi khu vực, quốc gia và quốc tế;
2. Quan trắc, thu thập, cập nhật, giám sát, đánh giá các thông tin thu thập từ các hệ thống quan trắc;
3. Tổng hợp, xử lý thông tin từ hệ thống quan trắc, đưa ra bản tin dự báo, cảnh báo về thời gian, địa điểm, cường độ thiên tai và rủi ro thiên tai đối với từng vùng hoặc địa phương làm cơ sở cho việc chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ phòng, tránh thiên tai.

Điều 10. Kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh thiên tai

1. Kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh thiên tai được xây dựng nhằm xác định và thực hiện các biện pháp phòng, tránh.
2. Nội dung chính của Kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh thiên tai bao gồm:
 - a. Đánh giá về tình hình dân sinh, kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng;
 - b. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai thường gặp;
 - c. Xác định các nội dung và biện pháp phòng, tránh thiên tai phù hợp với từng loại hình thiên tai;
 - d. Xác định phương pháp và cách thức lồng ghép nội dung phòng, tránh thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội;
 - e. Xác định nguồn lực và tiến độ để thực hiện kế hoạch phòng, tránh thiên tai, trong đó đề cao vai trò tham gia của cộng đồng;
 - f. Xác định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch phòng, tránh thiên tai.

Điều 11. Lồng ghép nội dung phòng, tránh thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội

1. Nội dung kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh thiên tai các cấp phải được lồng ghép vào quá trình xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế, xã hội để hạn chế thiệt hại và đảm bảo phát triển bền vững.
2. Sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và các hoạt động kinh tế, xã hội phải tính tới đặc thù thiên tai của địa phương.
3. Việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế, xã hội phải có nội dung phân tích, đánh giá tác động của thiên tai, bao gồm :
 - a. Đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước rủi ro thiên tai của công trình;
 - b. Đánh giá tác động của công trình đối với yêu cầu phòng, tránh thiên tai trong khu vực, làm rõ khả năng làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và đề xuất phương án xử lý.

Điều 12. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng khu dân cư

1. Việc lập, phê duyệt và thực hiện quy hoạch khu dân cư phải phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai và phát triển bền vững.
2. Dân cư ở nơi có nguy cơ rủi ro thiên tai cao phải có biện pháp đảm bảo an toàn.

Điều 13. Xây dựng và bảo vệ công trình phòng, tránh thiên tai

1. Việc xây dựng, vận hành các công trình đê điều, hồ chứa nước, giải phóng bãi sông, giải tỏa ách tắc và nạo vét lòng sông, bảo vệ và trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, dải cây chắn sóng ven sông, rừng cây chắn sóng, chắn gió, chắn cát, rừng ven biển và vùng cửa sông phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch được duyệt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.
2. Việc xây dựng, tu bổ và quản lý các khu neo đậu thuyền ở khu vực ven biển, hải đảo, các công trình quan trắc, công trình cảnh báo thiên tai phải theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.
3. Việc xây dựng các công trình trường học, trạm y tế, trụ sở công hoặc nhà văn hóa cộng đồng phải đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn trước thiên tai và tính đến khả năng có thể sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai.

Điều 14. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng, tránh thiên tai

1. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm cung cấp kiến thức về các loại hình thiên tai, tác động của thiên tai, các biện pháp phòng, tránh thiên tai và các quy định của pháp luật liên quan.
2. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức được thực hiện thông qua nhiều hình thức phù hợp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng các tài liệu chuyên đề, tạp chí, tờ rơi; tổ chức các điểm triển lãm, hội thảo, tập huấn, diễn tập phòng, tránh thiên tai; đưa nội dung phòng, tránh thiên tai vào chương trình của các cấp học, kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và diễn tập thực tế; tổ chức các Diễn đàn về phòng, tránh thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu để tham vấn rộng rãi về chính sách, pháp luật, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về phòng, tránh thiên tai.

Điều 15. Phương án chuẩn bị ứng phó với các tình huống thiên tai cụ thể

1. Trên cơ sở xác định, đánh giá thiên tai, giả định các tình huống thiên tai nguy hiểm có thể xảy ra tại các địa phương, khu vực, xây dựng các phương án ứng phó phù hợp.
2. Nội dung các phương án chuẩn bị ứng phó bao gồm các biện pháp bảo vệ các công trình phòng, tránh thiên tai và công trình trọng điểm; sơ tán, bảo vệ người, tài sản; đảm bảo an ninh trật tự; đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc; phối hợp chỉ huy, chỉ đạo; cứu nạn; phòng tránh cho các phương tiện hoạt động trên sông, trên biển, trên bộ; dự trữ nhu yếu phẩm, phương tiện, thiết bị; bảo vệ sản xuất.

Điều 16. Chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động ứng phó thiên tai

Việc chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, thiết bị, nhu yếu phẩm để sẵn sàng ứng phó thiên tai bao gồm:

1. Tổ chức và tham gia lực lượng ứng phó thiên tai gồm: lực lượng ứng phó cộng đồng; thanh niên xung kích và dân quân tự vệ; công nhân, nhân viên các doanh nghiệp tại địa phương; lực lượng quân đội, công an; lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp; nhân viên y tế, thông tin liên lạc và các lực lượng khác trên địa bàn;
2. Chuẩn bị phương tiện, vật tư và trang thiết bị phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương để kịp thời ứng phó thiên tai;

3. Dự trữ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và các nhu yếu phẩm cần thiết để đảm bảo đời sống khi thiên tai xảy ra phù hợp với đặc điểm thiên tai ở từng địa phương, khu vực;
4. Dự trữ và có kế hoạch huy động vật tư, phương tiện, vật tư xử lý nước, thuốc khử trùng, chữa bệnh để chuẩn bị khắc phục hậu quả thiên tai;
5. Trang bị phao cứu sinh và phương tiện thông tin, tín hiệu phù hợp cho các loại tàu, thuyền và phương tiện khi hoạt động trên biển, trên sông để tiếp nhận thông tin cảnh báo và hướng dẫn phòng tránh thiên tai.

Mục II

ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Điều 17. Nội dung ứng phó thiên tai

1. Rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó phù hợp với tình huống thiên tai cụ thể đang xảy ra;
2. Sử dụng các phương tiện thông tin có thể và tăng thời lượng phát tin dự báo, cảnh báo, chỉ huy, chỉ đạo phòng tránh thiên tai đến các tổ chức, cá nhân trong khu vực có khả năng chịu tác động của thiên tai; Khi xảy ra bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng và nguy cơ sạt lở đất, cần chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện các biện pháp:
 - a. Sơ tán người và gia súc ra khỏi khu vực nguy hiểm; vùng ven biển, cửa sông, vùng trũng, vùng ven sông, suối có khả năng chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng và sạt lở đất; sơ tán ra khỏi các nhà không đảm bảo an toàn, tàu thuyền tại khu neo đậu, lồng bè, chòi canh nuôi trồng thủy sản.
 - b. Di chuyển tàu thuyền và phương tiện nuôi trồng thủy, hải sản trên biển, ven biển ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm, sắp xếp neo đậu để đảm bảo an toàn;
 - c. Chằng chống hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng và cơ sở kinh tế, an ninh quốc phòng;
 - d. Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố các công trình phòng, tránh thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế, xã hội và an ninh, quốc phòng;

- e. Giám sát, hướng dẫn và thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện di chuyển vào các khu vực nguy hiểm trên sông, các khu vực và tuyến đường bị ngập sâu;
 - f. Hạn chế các hoạt động không cấp bách và có biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh trong khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của thiên tai.
 - g. Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh thiên tai;
 - h. Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men, nước uống tại các khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng, khu vực dân sơ tán;
 - i. Đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra thiên tai;
 - j. Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.
3. Khi xảy ra hạn hán và xâm nhập mặn, cần chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện các biện pháp:
- a. Điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cây trồng để né tránh và phù hợp với tình hình diễn biến hạn, mặn;
 - b. Thực hiện các biện pháp tăng cường tích trữ, cấp nước, chống thất thoát, sử dụng tiết kiệm nước ngọt trong sản xuất và sinh hoạt, ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho người, nước cho gia súc;
 - c. Ưu tiên cung cấp điện cho các trạm bơm;
 - d. Tổ chức quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.
4. Khi xảy ra rét hại, cần chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện các biện pháp:
- a. Chủ động các biện pháp chống rét cho người, đặc biệt là người già, trẻ em;
 - b. Che chắn chuồng trại hoặc di chuyển gia súc tới nơi kín gió để tránh rét; đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc;
 - c. Triển khai các biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp;
5. Khi xảy ra động đất, sóng thần, cần thực hiện các biện pháp:
- a. Phát tin động đất, cảnh báo sóng thần theo quy định;
 - b. Chủ động trú tránh hoặc di chuyển ra khỏi nhà khi xảy ra động đất

- c. Thực hiện sơ tán người ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra sóng thần;
 - d. Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương,
 - e. Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men, nước uống cho người dân bị ảnh hưởng;
 - f. Đảm bảo an ninh trật tự trong vùng bị ảnh hưởng.
6. Khi xảy ra lở, sét, nắng nóng cần có các biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể để giảm thiệt hại.

Điều 18. Lực lượng, phương tiện, vật tư và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động ứng phó khẩn cấp

- 1. Khi xảy ra tình huống thiên tai khẩn cấp lực lượng, vật tư, phương tiện đã được chuẩn bị sẵn hoặc lực lượng, vật tư, phương tiện của bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nào trên địa bàn có thể được huy động để phục vụ công tác sơ tán, tìm kiếm cứu nạn và hỗ trợ khẩn cấp.
- 2. Lực lượng, vật tư, phương tiện của cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ tại Việt Nam không thuộc đối tượng huy động, trừ trường hợp tự nguyện.

Điều 19. Tìm kiếm, cứu nạn

Hoạt động tìm kiếm và cứu nạn người gặp nguy hiểm tại khu vực có thiên tai xảy ra bao gồm:

- 1. Nhanh chóng sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm;
- 2. Tìm kiếm và cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm;
- 3. Lập các trạm cấp cứu tạm thời tại khu vực có thiên tai xảy ra để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn, huy động các cơ sở y tế tham gia cứu chữa cho người bị nạn;
- 4. Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà cửa;
- 5. Cấp phát miễn phí lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu;
- 6. Các biện pháp cần thiết khác phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương và khu vực.

Mục III

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 20. Nội dung khắc phục hậu quả thiên tai

1. Thống kê, đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ;
2. Lập kế hoạch khắc phục hậu quả thiên tai ngắn hạn và dài hạn
3. Cứu trợ, hỗ trợ và ổn định đời sống nhân dân vùng thiên tai;
4. Sửa chữa, khôi phục các công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở y tế và các công trình hạ tầng;
5. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và các vật tư, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;
6. Cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện các biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường;
7. Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
8. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng và phát triển sản xuất;
9. Điều chỉnh tiêu chuẩn, quy chuẩn và đầu tư xây dựng công trình hạ tầng theo hướng kiên cố, bền vững, thích ứng tốt hơn với thiên tai;
10. Điều chỉnh cơ cấu sản xuất và phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

Điều 21. Các hình thức cứu trợ, hỗ trợ

1. Cứu trợ khẩn cấp tập trung vào lương thực, nhu cầu thiết yếu, xử lý vệ sinh môi trường, nơi ở tạm của người dân.
2. Hỗ trợ trung hạn tập trung vào khắc phục hậu quả, hỗ trợ phục hồi sản xuất.
3. Hỗ trợ dài hạn tập trung vào tái thiết, xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng, các cơ sở kinh tế, xã hội thích ứng tốt hơn với thiên tai.

Điều 22. Huy động và phân bổ cứu trợ

1. Việc huy động nguồn lực từ cộng đồng và phân bổ các nguồn cứu trợ phải tuân theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, tránh trùng lặp, thiếu công bằng. Việc cứu trợ cần tập trung vào đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai;

2. Ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ các vùng và đối tượng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thiên tai; hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất và đầu tư xây dựng các công trình công cộng.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI

Điều 23. Quyền và trách nhiệm của cá nhân và hộ gia đình

1. Mọi cá nhân và hộ gia đình có quyền:
 - a. Tiếp cận các thông tin về phòng, tránh thiên tai do các cơ quan có thẩm quyền ban hành;
 - b. Tham gia đóng góp ý kiến vào việc lập kế hoạch, phương án phòng, tránh thiên tai tại địa phương;
 - c. Hưởng lợi ích từ việc thực hiện các biện pháp phòng, tránh thiên tai công cộng và các chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật;
 - d. Tham gia các chương trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng, tránh thiên tai phù hợp với các điều kiện cụ thể; Được nhận hoàn trả hoặc bồi thường công lao động, vật tư, phương tiện tham gia ứng phó khẩn cấp thiên tai theo lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền; người bị thương, bị thiệt hại tính mạng trong khi tham gia ứng phó thiên tai được xét hưởng chế độ chính sách theo quy định của pháp luật;
 - e. Được hỗ trợ khi bị ảnh hưởng nặng bởi thiên tai.
2. Mọi cá nhân và hộ gia đình có trách nhiệm và nghĩa vụ:
 - a. Chủ động xây dựng, nâng cấp công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình đảm bảo an toàn trước thiên tai hoặc di dời đến nơi an toàn; Tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm thiên tai tại địa phương để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và đảm bảo phát triển bền vững;
 - b. Tự trang bị các thiết bị phù hợp để tiếp nhận bản tin dự báo, cảnh báo và chỉ đạo, hướng dẫn phòng tránh thiên tai;
 - c. Các hộ gia đình ở vùng thường xuyên xảy ra thiên tai phải chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện phù hợp để phòng tránh thiên tai;

- d. Dự trữ lương thực, nước uống, vật tư và phương tiện xử lý nước, thuốc phòng chữa bệnh, thuốc phòng dịch để đảm bảo đời sống khi thiên tai xảy ra phù hợp với đặc thù thiên tai tại địa phương;
- e. Tàu, thuyền phải trang bị đầy đủ phao cứu sinh, hệ thống thông tin, tín hiệu phù hợp trước khi hoạt động trên sông, trên biển; phải cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về vị trí, tình trạng của phương tiện đang hoạt động trên sông, trên biển cho chính quyền địa phương khi thiên tai xảy ra; khi gặp tàu thuyền khác bị nạn phải kịp thời cứu hộ, tìm kiếm, cứu nạn, trường hợp vượt quá khả năng phải bằng mọi cách thông báo cho cơ quan tìm kiếm, cứu nạn;
- f. Khi thiên tai xảy ra phải chủ động ứng phó nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân và gia đình; tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng tránh thiên tai;
- g. Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm;
- h. Chấp hành lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ cho hoạt động ứng phó khẩn cấp;
- i. Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng tránh dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc sau khi bị tác động của thiên tai;
- j. Mọi cá nhân khi phát hiện sự cố hoặc hành vi gây mất an toàn cho công trình phòng, tránh thiên tai phải báo cho cơ quan có thẩm quyền và tham gia xử lý sự cố công trình trong khả năng của mình;
- k. Mọi công dân trong phạm vi nhận biết của mình phải cung cấp chính xác các thông tin về diễn biến thiên tai, thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp

- 1. Mọi doanh nghiệp có quyền:
 - a. Hưởng lợi ích từ việc thực hiện các biện pháp phòng, tránh thiên tai công cộng và các chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật;
 - b. Được nhận hoàn trả hoặc bồi thường công lao động, vật tư, phương tiện tham gia ứng phó khẩn cấp thiên tai theo lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền; người bị thương, bị thiệt hại tính mạng trong khi tham gia ứng phó thiên tai được xét hưởng chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

- c. Tham gia đầu tư các dự án xây dựng công trình phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai kết hợp đa mục tiêu theo quy hoạch, kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương và được khai thác các lợi ích do việc đầu tư mang lại theo quy định của pháp luật.
2. Mọi doanh nghiệp có trách nhiệm và nghĩa vụ:
- a. Chủ động xây dựng, nâng cấp công trình, cơ sở vật chất thuộc quyền sở hữu của mình và tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn trước thiên tai;
 - b. Xây dựng phương án và tổ chức thực hiện phương án phòng tránh thiên tai cho bản thân doanh nghiệp;
 - c. Phân tích, đánh giá tác động thiên tai trong hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình; áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai trong xây dựng các loại công trình; chấp hành các quy định bảo vệ công trình phòng, tránh thiên tai;
 - d. Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, về phòng, tránh thiên tai; tập huấn, huấn luyện và diễn tập kỹ năng phòng, tránh thiên tai theo kế hoạch của các bộ, ngành và địa phương;
 - e. Chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống thiên tai xảy ra;
 - f. Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ huy, chỉ đạo, lệnh huy động khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ cho hoạt động ứng phó khẩn cấp;
 - g. Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng tránh dịch bệnh trong phạm vi quản lý của mình sau khi bị tác động của thiên tai;
 - h. Đóng góp vào các quỹ phòng tránh thiên tai theo quy định của pháp luật;
 - i. Tham gia các hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương trong khả năng của doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ

- 1. Các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ có quyền được hưởng lợi ích từ việc thực hiện các biện pháp phòng, tránh thiên tai công cộng theo quy định của pháp luật;

2. Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ:
 - a. Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam chủ trì điều phối cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tham gia hỗ trợ nhân đạo phòng, tránh thiên tai theo quy định của pháp luật.

Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tiếp nhận và phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ các nguồn hỗ trợ nhân đạo phòng, tránh thiên tai theo quy định của pháp luật.
 - b. Hội Chữ thập đỏ tham gia thực hiện hoặc phối hợp với các cá nhân, tổ chức thực hiện cứu trợ khẩn cấp, cứu trợ nhân đạo, cứu nạn phù hợp với quy định của pháp luật.
 - c. Các tổ chức, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ có quyền và trách nhiệm tham gia vào hoạt động phòng, tránh thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ và tiêu chí hoạt động của tổ chức.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, TRÁNH THIÊN TAI

Điều 26. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, tránh thiên tai

1. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chính sách về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai;
2. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai;
3. Tổ chức xây dựng, tu bổ, quản lý, bảo vệ các công trình phòng, tránh thiên tai công cộng;
4. Tổ chức thu thập, xử lý thông tin có liên quan đến phòng, tránh thiên tai; dự báo, cảnh báo thiên tai;
5. Chỉ đạo, chỉ huy công tác phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
6. Quản lý các nguồn tài chính về phòng, tránh thiên tai;
7. Thẩm định nội dung đánh giá tác động thiên tai của các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội;

8. Tổ chức việc nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong việc phòng, tránh thiên tai, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác phòng, tránh thiên tai;
9. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, kiến thức, kinh nghiệm về phòng, tránh thiên tai đến cộng đồng;
10. Chỉ đạo thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, tránh thiên tai;
11. Thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm về phòng, tránh thiên tai.

Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, tránh thiên tai

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác phòng, tránh thiên tai.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giúp Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác phòng, tránh thiên tai.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng, tránh thiên tai trong phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý Nhà nước về công tác phòng, tránh thiên tai trong phạm vi địa phương.
5. Chính phủ quy định cụ thể việc phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý nhà nước về phòng, tránh thiên tai

Điều 28. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy thực hiện phòng, tránh thiên tai

1. Căn cứ vào tính chất và mức độ của các loại hình thiên tai quy định trong luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập các Ban chỉ đạo trung ương để giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động phòng, tránh thiên tai.
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống lụt bão.
2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, quyết định việc thành lập Ban chỉ đạo để tham mưu, giúp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, tránh thiên tai trong phạm vi quản lý.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thành lập các Ban chỉ huy để giúp tổ chức thực hiện công tác phòng, tránh thiên tai trong phạm vi

địa phương.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện điều này.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật này và các quy định liên quan về phòng, tránh thiên tai;
2. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch tổng hợp về phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai thuộc phạm vi quản lý;
3. Tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương;
4. Quản lý thực hiện các quy hoạch dân cư, đô thị, du lịch và quy hoạch sản xuất thích ứng với đặc điểm thiên tai trên địa bàn, đảm bảo phát triển bền vững;
5. Tổ chức thẩm định nội dung đánh giá tác động thiên tai của các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý;
6. Xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn và tổ chức việc chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện và tổ chức diễn tập theo phương án được duyệt;
7. Kiểm tra, đôn đốc việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, hóa chất xử lý nước, thuốc chữa bệnh, phòng dịch, phương tiện, vật tư và trang thiết bị theo phương châm “4 tại chỗ” để chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra;
8. Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình phòng, tránh thiên tai trên địa bàn;
9. Tổ chức thường trực, thu thập và xử lý thông tin về dự báo, cảnh báo thiên tai, chỉ huy công tác phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
10. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất;
11. Tổ chức tiếp nhận, phân phối tiền, hàng cứu trợ khẩn cấp để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Khi thiên tai xảy ra trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

1. Là tổng chỉ huy các lực lượng tham gia các hoạt động phòng, tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:
 - a. Quyết định phát tin cảnh báo thiên tai;
 - b. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả các tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn;
 - c. Đối với các khu vực ven biển phải chỉ đạo việc kiểm soát, hướng dẫn tàu thuyền và phương tiện hoạt động trên sông, trên biển tránh bão, lũ; quyết định việc cấm tàu thuyền ra khơi, sơ tán người và tài sản, cho học sinh nghỉ học theo tình huống thiên tai cụ thể;
 - d. Đối với khu vực đồng bằng, trung du và miền núi phải quyết định việc sơ tán người và tài sản, cho học sinh nghỉ học; chỉ đạo việc hướng dẫn, kiểm soát giao thông, trong khu vực bị ngập, bị chia cắt;
 - e. Quyết định huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của các tổ chức cá nhân trên địa bàn để xử lý kịp thời các sự cố về đê điều, hồ đập trên địa bàn; tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với Ban chỉ đạo trung ương và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn;
 - f. Chỉ đạo tổ chức khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, ổn định đời sống, đảm bảo an ninh, trật tự, phục hồi sản xuất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.
3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:
 - a. Triển khai thực hiện việc cảnh báo, báo động thiên tai;
 - b. Tổ chức thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
 - c. Tổ chức sơ tán, bảo vệ người và tài sản, hướng dẫn tàu thuyền, lồng bè neo đậu, trú tránh an toàn; kiểm soát, hướng dẫn giao thông tại các khu vực bị ngập, các bến đò, bến phà và thực hiện các biện pháp cần thiết khác để giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra;
 - d. Chỉ huy, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng tránh, ứng phó thiên tai thuộc thẩm quyền cấp huyện;
 - e. Huy động lực lượng, phương tiện vật, tư trên địa bàn để xử lý kịp thời các sự cố về đê điều, hồ đập trên địa bàn; tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp theo thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- f. Tổ chức khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, ổn định đời sống, đảm bảo an ninh, trật tự, phục hồi sản xuất thuộc phạm vi quản lý của huyện.
4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:
 - a. Thông báo, báo động về thiên tai và chỉ huy, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền kịp thời đến cộng đồng bằng hệ thống loa truyền thanh địa phương, loa tay, hoặc các công cụ khác theo quy ước của địa phương;
 - b. Đối với địa bàn cấp xã ven biển phải kịp thời hướng dẫn sơ tán người và tài sản khỏi nơi nguy hiểm trước khi bão, sóng thần ảnh hưởng đến đất liền; nắm chắc thông tin tàu thuyền còn hoạt động trên biển thông qua các chủ tàu ở địa phương để hướng dẫn di chuyển khỏi khu vực nguy hiểm; hướng dẫn neo đậu tàu thuyền vào nơi trú tránh; hướng dẫn, đôn đốc các hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn chằng néo nhà cửa, chặt tỉa cành cây trước khi bão có khả năng ảnh hưởng đến vùng biển và đất liền thuộc địa phương mình; có quyền cấm các hoạt động nguy hiểm; cưỡng chế các cá nhân không chấp hành sự chỉ đạo;
 - c. Đối với địa bàn cấp xã vùng xảy ra lũ, lũ quét, ngập lụt phải kịp thời sơ tán người và tài sản đến nơi an toàn; kiểm soát và hướng dẫn giao thông tại các đoạn đường bị ngập, các ngầm, đò ngang, đò dọc và tàu thuyền, phương tiện hoạt động trên sông; có quyền cấm các hoạt động nguy hiểm; cưỡng chế các cá nhân không chấp hành sự chỉ đạo;
 - d. Huy động lực lượng thanh niên, dân quân tự vệ và các phương tiện vật tư, vật liệu tại chỗ, có quyền trưng dụng vật tư, phương tiện có mặt trên địa bàn để xử lý kịp thời các sự cố về đê điều, hồ đập tại địa phương; tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền của địa phương phải báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - e. Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự và tổ chức khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, ổn định đời sống, phục hồi sản xuất tại địa phương.

Điều 31. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, tránh thiên tai được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật;
2. Người có hành vi vi phạm hoặc không chấp hành các quy định của Luật này phải bị xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp hành vi vi

phạm chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xem xét xử phạt hành chính theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Chính phủ quy định cụ thể về xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm các quy định của Luật này.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực của Luật phòng, tránh thiên tai

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...
2. Pháp lệnh Phòng chống lụt bão năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 2000 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.
3. Những điều khoản ...của các (văn bản quy phạm pháp luật) sẽ được sửa đổi theo quy định của Luật này.

Những điều khoản ...của các (văn bản quy phạm pháp luật) sẽ bị bãi bỏ theo quy định của Luật này.

Điều 33. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 27, 28 và Điều 31 của luật này.